

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Kết quả dự kiến đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên chương trình giáo dục mầm non thực hiện	Chương trình GDMN mới	Chương trình GDMN mới
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ dự kiến đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	- Trẻ phát triển bình thường về cân nặng 98%. - Trẻ phát triển bình thường về chiều cao 98%. - Trẻ phát triển bình thường về cân nặng/chiều cao 97- 98%.	- Trẻ phát triển bình thường về cân nặng 98%. - Trẻ phát triển bình thường về chiều cao 97%. - Trẻ phát triển bình thường về cân nặng trên chiều cao 97- 98%.
2	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	- 100% trẻ được khám sức khỏe 1 lần/năm; cân đo theo biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm; 100% trẻ được đảm bảo an toàn	- 100% trẻ được khám sức khỏe 1 lần/năm; cân đo theo biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm; 100% trẻ được đảm bảo an toàn
3	Chất lượng giáo dục trẻ	- Trẻ phát triển đều tất cả 4 lĩnh vực	- Trẻ phát triển đều tất cả 5 lĩnh vực
IV	Các hoạt động hỗ trợ nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở cơ sở GDMN (nếu có)		

Hung Đạo, ngày 20 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)



Đông Thị Tuyết Nhung

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2023 – 2024

TT	Nội dung	Kết quả thực tế đạt được trong năm học										
		Toàn trường			Trong đó chia ra			Mẫu giáo				
		Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi		
1	Huy động trẻ	Tổng số trẻ đi học	543	94		0	0	57	157	165	164	
		Trẻ học nhóm ghép	18			11			7			
		Trẻ học 2 buổi/ngày	543	100				57	157	175	164	
		Trẻ khuyết tật học hòa nhập	0	0				0	0	0	0	
2	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	Trẻ được tổ chức ăn bán trú	543	100				57	157	165	164	
		Trẻ được cung cấp chế độ và khẩu phần ăn đảm bảo theo nhu cầu khuyến nghị	543	100				57	157	165	164	
		Trẻ được khám sức khỏe định kỳ	543	100				57	157	165	164	
		Trẻ được cân-đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định	543	100				57	157	165	164	
3	Chất lượng chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ	33	6			4	Trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi				
								Trẻ có cân nặng bình thường				
								Trẻ có chiều cao bình thường				
								Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân				
			505	93		55	144	153	153			
			505	93		53	144	152	156			
			22	4		1	10	6	5			
			33	6		4	10	12	7			

Nội dung		Kết quả thực tế đạt được trong năm học			Trong đó chia ra							
		Toàn trường			Mẫu giáo							
		Kết quả đạt được	Đạt tỷ lệ	Đánh giá mức độ đạt được so với dự kiến đầu năm học	Nhà trẻ							
Số lượng trẻ			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi				
Trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	15	3					11	3	1			
	17	3					3	8	6			
	6	1					1	4	1			
Trẻ thừa cân	543	100					57	157	165	164		
	Trẻ béo phì	500	92				52	145	152	151		
Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần												
Trẻ đi học chuyên cần												
Đánh giá chất lượng giáo dục trẻ ở mức "Đạt"												
Trẻ được đánh giá ở mức "Cần cố gắng"												
Trẻ được đánh giá ở mức "Chưa đạt"												
Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN												
Trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá có tiến bộ												
4	Chất lượng giáo dục trẻ											

Hưng Đạo ngày 10 tháng 9 năm 2023



Đồng Tâm Tuyết Nhung

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2023 - 2024

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	23	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	17	-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	3	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	3	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	3335	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1482	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1104,76	1,911
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	179,28	0.3102
4	Diện tích sân chơi (m ²)	217,12	0.3756
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)		
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	231	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	1	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	17	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	17	17/17
2	Đàn organ	0	
3	Máy photo	1	
5	Máy in		
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)	
		Dùng cho trẻ	
		Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	17	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*		

(*Theo Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..		

Hung Đạo, ngày 30 tháng 9 năm 2023



Đông Thị Tuyết Nhung

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2023 – 2024

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp					
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47			31	3	1	12		13	14	7	34				
I	Giáo viên	31			28	3				11	13	7	31				
1	Nhà trẻ	4			3	1				3	1		4				
2	Mẫu giáo	27			25	2				8	12	7	27				
II	Cán bộ quản lý	3			3					2	1		3				
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1				
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1		2				
III	Nhân viên	13					1	12									
1	Nhân viên văn thư																
2	Nhân viên kế toán																
3	Thủ quỹ																
4	Nhân viên y tế																
5	Nhân viên nuôi dưỡng	10					1	9									
6	Nhân viên khác	3						3									
..	..																

Ghi chú: Đối tượng chưa có tiêu chí đánh giá "Hạng chức danh nghề nghiệp" và "Chuẩn nghề nghiệp" thì để trống.

Văn thư: Hạng I tương ứng với Văn thư viên chính, Hạng II tương ứng với Văn thư viên, Hạng II tương ứng với văn thư viên trung cấp

Hung Đạo, ngày 15 tháng 9 năm 2023



Đông Thị Tuyết Nhung

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023 - 2024 và 02 năm tiếp theo

TT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tháng 5 năm 2023 đến tháng 5/2025	Giáo viên	3	Sư phạm mầm non	vừa học vừa làm	Đại học
2	Năm 2024	Nhân viên	1	Nấu ăn	vừa học vừa làm	Cao đẳng
3	Năm 2025	Nhân viên	1	Nấu ăn	vừa học vừa làm	Cao đẳng

Hướng dẫn ghi biểu

- Cột 2: Ghi dự kiến thời gian đào tạo, bồi dưỡng từ tháng/năm đến tháng/năm
- Cột 3: Ghi tên đối tượng tham gia: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.....
- Cột 6: Ghi hình thức đào tạo, bồi dưỡng: Tập trung, vừa học vừa làm, trực tuyến.....
- Cột 7: Ghi trình độ đào tạo, bồi dưỡng đạt được sau khi hoàn thành (Thạc sỹ, Đại học, Cao đẳng, Chứng chỉ, Chứng nhận....)

Hung Đạo, ngày 20 tháng 9 năm 2023



Đông Thị Tuyết Nhung